

Bản án số: 08/2024/KDTM-ST

Ngày: 10/6/2024

Về việc: Tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HOÀN KIẾM, THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thu Hà** - Thẩm phán Tòa án nhân dân quận Hoàn Kiếm

Các Hội Thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Văn Hiệp** và Bà **Nguyễn Thị Thiên Thuận**

Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Linh Chi** - Thư ký Tòa án nhân dân quận Hoàn Kiếm

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hoàn Kiếm tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Huyền Trang** - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 6 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận Hoàn Kiếm mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 03/2024/TLST-KDTM ngày 05/01/2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 07/2024/QĐXXST-KDTM ngày 25/4/2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 37/2024/QĐST-KDTM ngày 17/5/2024, giữa:

- **Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP V (P).** Trụ sở: Số 89 L, phường L, quận D, thành phố Hà Nội. Người đại diện theo pháp luật: ông Ngô Chí D. Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng Quản trị. Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Tuấn A. Chức vụ: Phó giám đốc Trung tâm Xử lý nợ pháp lý theo văn bản ủy quyền số 58/2023/UQN – HĐQT ngày 12/07/2023.

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Bà **Trần Thu H**, ông **Phan Văn N**. Theo Văn bản ủy quyền số 281/2023/UQ-LCC-KHDNMB2 ngày 28/11/2023. (Bà H có mặt tại phiên tòa)

- **Bị đơn: Công ty TNHH Y (Công ty Y).** Trụ sở theo đăng ký kinh doanh: Số 79 C, phường M, quận K, thành phố Hà Nội. Người đại diện theo pháp luật: Bà **Nguyễn A.N** – Chức vụ: Giám đốc.

- **Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:** Bà Nguyễn A.N, sinh năm 1989. CCCD số 001189001300 do Cục CS QLHC về TTXH cấp ngày 01/11/2021. Hộ khẩu thường trú: Số 79 C, phường M, quận K, thành phố Hà Nội. (Bà A.N vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***Theo đơn khởi kiện ngày 28/11/2023 và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn – bà Trần Thu H trình bày như sau:**

Ngày 22/6/2022, Ngân hàng TMCP V với Công ty TNHH Y (đại diện theo pháp luật là bà Nguyễn A.N, chức vụ Giám đốc) đã ký kết Hợp đồng cho vay hạn

mức thấu chi tài khoản số 220622-8382313-01-SME/TC ngày 22/6/2022 và các văn bản tín dụng kèm theo, với tổng số tiền là: 500.000.000 đồng (Bằng chữ: Năm trăm triệu đồng).

Thời hạn duy trì hạn mức thấu chi 12 tháng với lãi suất cố định cho 12 tháng là 18%/năm. Tính từ ngày 22/6/2023, khoản nợ chỉ tính lãi quá hạn = 150% lãi suất trong hạn = 27%.

Thời hạn và phương thức thanh toán nợ gốc: Bên vay có nghĩa vụ thanh toán toàn bộ nợ gốc thấu chi chậm nhất vào ngày kết thúc. Thời hạn duy trì hạn mức thấu chi theo hợp đồng này. (12 tháng).

Thời hạn trả nợ lãi trong hạn: Bên vay phải trả cho ngân hàng tiền lãi theo định kỳ 01 tháng/lần.

Khách hàng đã sử dụng tài khoản thấu chi cho 03 lần rút tiền, cụ thể:

+ Ngày 22/6/2022: 02 lần rút tiền, một lần 100.000.000 đồng, một lần 200.000.000 đồng;

+ Ngày 23/6/2022: rút tiền 200.000.000 đồng.

Theo thông tin của cán bộ tín dụng báo cáo ngân hàng thì khách hàng có mục đích vay để tăng vốn cho hoạt động kinh doanh buôn bán đồ chơi trẻ em tại cửa hàng số 79 phố C.

Biện pháp bảo đảm cho khoản vay: Theo Hợp đồng bảo lãnh số 01/HĐBL ngày 22/6/2022, bà Nguyễn A.N đồng ý dùng toàn bộ tài sản của mình bảo lãnh vô điều kiện và không hủy ngang cho Công ty Y trong việc thực hiện toàn bộ nghĩa vụ trả nợ bao gồm: trả nợ gốc, lãi, các khoản phí, tiền phạt, tiền bồi thường thiệt hại, các chi phí và tất cả các nghĩa vụ khác của Công ty Y với P phát sinh từ Hợp đồng cho vay hạn mức thấu chi tài khoản số: 220622-8382313-01-SME/TC ngày 22/6/2022 cùng các Phụ lục, văn bản sửa đổi, bổ sung, các Khế ước nhận nợ và các văn bản tín dụng khác ký giữa Công ty Y và P.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty Y buộc thực hiện trả lãi trong hạn, số tiền lãi trong hạn đã trả hết, tuy nhiên Công ty Y vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với P, không trả cho ngân hàng khoản tiền gốc. Từ ngày 23/6/2023 nên toàn bộ khoản vay đã chuyển sang nợ quá hạn với mức lãi suất quá hạn theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng.

Dư nợ tạm tính còn lại của Công ty Y vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với P từ ngày 23/6/2023 nên toàn bộ khoản vay đã chuyển sang nợ quá hạn với mức lãi suất quá hạn theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng.

Dư nợ tạm tính còn lại của Công ty Y tại P ngày 09/11/2023 là 526,236,137 đồng, trong đó: Nợ gốc: 470.654.253 đồng; Nợ lãi: 55,581,884 đồng.

Nguyên đơn đề nghị Tòa án giải quyết:

- Buộc Công ty Y phải thanh toán cho P toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi, tiền phạt chậm trả và các khoản phát sinh liên quan theo các Hợp đồng tín dụng nêu trên; tạm tính đến ngày ngày 09/11/2023 là 526,236,137 đồng, trong đó: Nợ gốc: 470.654.253 đồng; Nợ lãi: 55,581,884 đồng.

- Trong trường hợp Công ty Y không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán nợ cho P, đề nghị Tòa án buộc bà Nguyễn A.N có nghĩa vụ trả nợ thay Công ty Y toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi và các khoản phát sinh liên quan theo Hợp đồng cho vay và các khế ước nhận nợ nêu trên.

- Đề nghị Tòa án tiếp tục tính lãi theo đúng thỏa thuận trong Hợp đồng cho vay và khế ước nhận nợ nêu trên cho đến ngày Công ty Y thực tế thanh toán hết nợ cho P.

- Trong trường hợp Công ty Y, bà Nguyễn A.N không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán nợ cho P, P có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án có thẩm quyền tiến hành xác minh, kê biên, thu giữ, phát mãi tài sản thuộc quyền sở hữu/sử dụng của Công ty Y, bà Nguyễn A.N để thu hồi khoản nợ vay.

****Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bị đơn - Công ty TNHH Y và Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan – bà Nguyễn A.N không đến Tòa, không có văn bản ý kiến, không giao nộp tài liệu, chứng cứ;***

***Tại phiên tòa:**

* Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn – bà H trình bày: Ngân hàng đề nghị HĐXX buộc Công ty Y phải thanh toán cho P toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi quá hạn theo Hợp đồng cho vay hạn mức thấu chi tài khoản số 220622-8382313-01-SME/TC ngày 22/6/2022 tính đến phiên tòa sơ thẩm 10/6/2024 là 601.528.690 đồng, trong đó: Nợ gốc là 470.653.922 đồng; Nợ lãi quá hạn là 130.874.768 đồng.

Nguyên đơn giữ nguyên các yêu cầu khởi kiện khác theo đơn khởi kiện ngày 28/11/2023. Hợp đồng cho vay hạn mức thấu chi nên không có quy định và thỏa thuận về việc phạt chậm trả lãi.

Về các khoản phát sinh liên quan theo Hợp đồng cho vay hạn mức thấu chi tài khoản số 220622-8382313-01-SME/TC ngày 22/6/2022, Hợp đồng bảo lãnh số 01/HĐBL ngày 22/6/2022: bà H trình bày cụ thể bao gồm các khoản phát sinh liên quan việc thi hành án.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hoàn Kiếm** phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau: Tòa án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về thụ lý vụ án, tổng đạt văn bản tố tụng cho đương sự, tiến hành hòa giải, thu thập chứng cứ và ra quyết định đưa vụ án ra xét xử. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tiến hành đúng các thủ tục theo quy định của pháp luật về phiên tòa sơ thẩm. Đối với các đương sự: Từ khi thụ lý vụ án đến khi phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn đã chấp hành pháp luật theo các quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự 2015. Về nội dung vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, sau phần tranh luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thẩm quyền giải quyết và quan hệ pháp luật trong vụ án: Tranh chấp trong vụ việc là quan hệ tín dụng với mục đích kinh doanh giữa hai tổ chức đều có đăng ký kinh doanh, căn cứ vào khoản 1 Điều 30 của Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015 đây là tranh chấp về kinh doanh thương mại.

Căn cứ vào Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015: Trụ sở của bị đơn tại số 79 phố C, phường M, quận K. Do vậy, Tòa án nhân dân quận Hoàn Kiếm thụ lý và giải quyết vụ án kinh doanh thương mại về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” là đúng thẩm quyền.

[2]. Về thủ tục tố tụng:

[2.1]. Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn không đến Toà, không giao nộp văn bản ý kiến, tài liệu chứng cứ là tự từ bỏ quyền, nghĩa vụ theo quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự.

[2.2]. Ngày 29/3/2024, Công an phường M cung cấp thông tin: tại số 79 phố C, phường M, quận K, Công ty TNHH Y không treo biển, không còn hoạt động kinh doanh. Bà Nguyễn A.N có đăng ký thường trú nhưng không ăn ở sinh hoạt thường xuyên tại địa chỉ này, hiện không có thông tin nào khác về Bà A.N, tại số 79 C có người thân có quan hệ huyết thống của Bà A.N hiện đang cư trú.

[2.3]. Ngày 17/5/2024, HĐXX đã hoãn phiên tòa do bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do. Ngày 10/6/2024, HĐXX tiếp tục xét xử theo quy định của pháp luật vắng mặt bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan.

[3]. Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[3.1]. Xét Hợp đồng cho vay hạn mức thấu chi tài khoản số 220622-8382313-01-SME/TC ngày 22/6/2022 đã ký kết giữa P và Công ty TNHH Y có hình thức bằng văn bản, các bên tự nguyện ký kết hợp đồng và đảm bảo về chủ thể ký kết hợp đồng theo quy định của pháp luật. Do vậy hợp đồng tín dụng đã không vi phạm các điều kiện có hiệu lực theo quy định của Bộ Luật dân sự 2015.

[3.2]. Các tài liệu do P giao nộp cho thấy bị đơn đã thực hiện đã sử dụng tài khoản thấu chi cho 03 lần rút tiền, cụ thể:

+ Ngày 22/6/2022: 02 lần rút tiền, một lần 100.000.000 đồng, một lần 200.000.000 đồng;

+ Ngày 23/6/2022: rút tiền 200.000.000 đồng.

[3.3]. Theo nội dung thoả thuận tại Điều 3 “Lãi suất cho vay, phí và các chi phí khác” tại Hợp đồng cho vay, các bên đã thoả thuận lãi suất 18%, được giữ cố định trong suốt thời hạn duy trì hạn mức vay thấu chi. Lãi suất chậm trả áp dụng đối với dư nợ gốc quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn. Lãi suất chậm trả áp dụng đối với tiền lãi chậm trả bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chậm trả lãi nhưng tối đa không quá 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Thời hạn duy trì hạn mức thấu chi là 12 tháng tính từ ngày 22/6/2022 được thoả thuận tại Điều 1 của Hợp đồng cho vay.

[3.4]. Như vậy tính từ ngày 22/6/2023, lãi suất trong hạn kết thúc, theo trình bày của nguyên đơn thì bị đơn không trả nợ gốc nên bị đơn có nghĩa vụ trả nợ gốc, nợ lãi quá hạn theo thoả thuận.

[3.5]. Xét Hợp đồng bảo lãnh số 01/HĐBL ngày 22/6/2022 đã ký kết giữa P và bà Nguyễn A.N có hình thức bằng văn bản, các bên tự nguyện ký kết hợp đồng và đảm bảo về chủ thể ký kết hợp đồng theo quy định của pháp luật. Do vậy hợp đồng bảo lãnh không vi phạm các điều kiện có hiệu lực theo quy định của Bộ Luật dân sự 2015.

Điều 1 “Phạm vi bảo lãnh và Thông tin của bên được bảo lãnh” thoả thuận Bà A.N đồng ý, bằng toàn bộ tài sản của mình, bảo lãnh vô điều kiện và không huỷ ngang cho bên được bảo lãnh trong việc thực hiện toàn bộ nghĩa vụ hiện tại và nghĩa vụ trong tương lai bao gồm.....đối với Hợp đồng cho vay hạn mức thấu chi tài khoản số 220622-8382313-01-SME/TC ngày 22/6/2022. Bên được bảo lãnh cụ thể: Công ty TNHH Y.

[3.6]. Công ty TNHH Y đã không thực hiện đúng hợp đồng tín dụng, phát sinh nghĩa vụ trả nợ gốc lãi nên Hợp đồng bảo lãnh phát sinh hiệu lực. Yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng đề nghị được tuyên quyền phát mại tài sản đảm bảo để thu hồi khoản nợ bao gồm nợ gốc, nợ lãi quá hạn có căn cứ theo Điều 317, Điều 320, Điều 323 của Bộ Luật dân sự 2015.

[3.7]. Với phân tích trên, HĐXX thấy rằng có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[4]. Về án phí: Nguyên đơn được trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp, Bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[5]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Bởi các lẽ trên!

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 30; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 114; Điều 124; khoản 1 Điều 147; Điều 227; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 116, 117, 122, 317, 320, 323 Bộ Luật Dân sự năm 2015;

- Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

- Điều 2, 6, 7, 9, 30 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014;

- Điều 8 khoản 1 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán TANDTC hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm trong hợp đồng vay tài sản; lãi suất trung bình trên thị trường; quyết định lãi, lãi suất trong bản án, quyết định của Tòa án;

- Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBNVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của UBTVQH về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn - Ngân hàng TMCP V đối với bị đơn - Công ty TNHH Y;

1.1. Buộc Công ty TNHH Y có nghĩa vụ trả cho P tổng số tiền tính đến ngày 10/6/2024: 601.528.690 đồng (Sáu trăm linh một triệu, năm trăm hai mươi tám nghìn, sáu trăm chín mươi đồng) theo Hợp đồng cho vay hạn mức thấu chi tài khoản số 220622-8382313-01-SME/TC ngày 22/6/2022, trong đó:

+ Nợ gốc là 470.653.922 đồng;

+ Nợ lãi quá hạn là 130.874.768 đồng.

1.2. Buộc Công ty TNHH Y có nghĩa vụ trả cho P khoản nợ lãi quá hạn theo Hợp đồng cho vay hạn mức thấu chi tài khoản số 220622-8382313-01-SME/TC ngày 22/6/2022 kể từ ngày 11/6/2024 cho đến khi tất toán khoản vay.

1.3. Trong trường hợp Công ty TNHH Y không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán nợ cho P, bà Nguyễn A.N có nghĩa vụ trả nợ thay Công ty TNHH Y toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi và các khoản phát sinh liên quan theo Hợp đồng cho vay hạn mức thấu chi tài khoản số 220622-8382313-01-SME/TC ngày 22/6/2022, Hợp đồng bảo lãnh số 01/HĐBL ngày 22/6/2022.

1.4. Trong trường hợp Công ty TNHH Y, bà Nguyễn A.N không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán nợ cho P, P có quyền yêu cầu Cơ quan thi

hành án có thẩm quyền tiến hành xác minh, kê biên, thu giữ, phát mãi tài sản thuộc quyền sở hữu/sử dụng của Công ty TNHH Y, bà Nguyễn A.N để thu hồi khoản nợ vay theo Hợp đồng cho vay hạn mức thấu chi tài khoản số 220622-8382313-01-SME/TC ngày 22/6/2022, Hợp đồng bảo lãnh số 01/HĐBL ngày 22/6/2022.

2. Án phí:

2.1. Ngân hàng TMCP V được nhận lại 12.500.000 đồng (Mười hai triệu, năm trăm nghìn đồng) số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự quận Hoàn Kiếm, theo Biên lai tạm ứng án phí số 0006210 ngày 26/12/2023.

2.2. Công ty TNHH Y phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 28.061.148 đồng (Hai mươi tám triệu, không trăm sáu mươi một nghìn, một trăm bốn mươi tám đồng).

3. Quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, có mặt người đại diện theo uỷ quyền của P.

Ngân hàng TMCP V có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Công ty TNHH Y, bà Nguyễn A.N có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

4. Thi hành án khi bản án có hiệu lực pháp luật: *Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND quận Hoàn Kiếm;
- Chi Cục Thi hành án DS
quận Hoàn Kiếm;
- Tòa án NDTP Hà Nội;
- VKSND TP Hà Nội;
- Lưu Hồ sơ, Văn phòng;

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

NGUYỄN THU HÀ